

# PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ XU HƯỚNG VIỆC LÀM TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

*HUMAN RESOURCE DEVELOPMENT MEETING THE TRANSFER OF ECONOMIC MACHANISM  
AND EMPLOYMENT TRENDS IN DIGITAL ERA*

MAI THỊ HỒNG QUYÊN, NGUYỄN NGUYÊN ZEN, LÊ THỊ HƯƠNG TRÂM

Đại học Lao động - Xã hội

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 15/10/2019            Ngày nhận lại: 02/11/2019            Duyệt đăng: 14/01/2020            Mã số: TCKH-S04T12-B19-2019            ISSN: 2354 – 0788</p> <p><b>Từ khóa:</b>            nguồn nhân lực, cơ cấu kinh tế, kỷ nguyên số.</p> <p><b>Key words:</b>            human resource, economic machanism, digital era.</p>	<p>Cơ cấu kinh tế Việt Nam đã dịch chuyển từ nền kinh tế Nông nghiệp sang Công nông nghiệp và xu hướng sẽ chuyển sang nền kinh tế Công nghiệp phát triển trong thời gian tới. Với thực trạng lực lượng lao động chủ yếu làm nghề giản đơn, trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp người lao động dễ dàng rơi vào thất nghiệp trong sự vận động của nền kinh tế. Vì vậy, việc phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ cấp thiết của chính phủ và các ban ngành hiện nay. Thông qua các biện pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, đào tạo gắn với thực tiễn, coi trọng hướng nghiệp, dạy nghề, đảm bảo tài chính cho phát triển nguồn nhân lực hy vọng có thể tháo gỡ các khó khăn trong thời gian tới cho thị trường lao động.</p> <p><b>ABSTRACTS</b>  <i>Economic machanism in Vietnam has transferred from an agricultural economy to an agriculture-industry economy and the trend is to transfer to a developed industrial economy in the near future. With the fact that the labor force is mainly engaged in simple jobs, low technical and professional qualifications, workers are easily falls into unemployment in the movement of economy. Therefore, the development of human resources is an urgent task of the government and departments at present. Through measures to improve competitiveness indicators, practice-based training, focusing on vocational guidance, vocational training, and ensuring financial resources for human resource development, hoping to solve difficulties of the labor market in near future.</i></p>

## 1. CƠ CẤU KINH TẾ VIỆT NAM VÀ XU HƯỚNG VIỆC LÀM

### 1.1. Cơ cấu kinh tế Việt Nam

Cơ cấu kinh tế biểu hiện mối quan hệ và tỷ trọng giữa các ngành trong một nền kinh tế. Cơ cấu kinh tế bị quyết định chủ yếu bởi trình độ lực lượng sản xuất, phân công lao động và sự phát triển của từng quốc gia. Cơ cấu kinh tế thường được phân tích theo ba nhóm ngành chính là công nghiệp xây dựng, dịch vụ, nông lâm thủy sản. Việt Nam thuộc nhóm nước đang phát triển nên chuyển dịch cơ cấu kinh tế là điều tất yếu và phù hợp xu thế, định hướng phát triển của đất nước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chịu

tác động bởi nhiều yếu tố như địa lý, tự nhiên, khí hậu, lịch sử... Tuy nhiên trong những năm gần đây, dưới ảnh hưởng lớn của nhân tố chính sách, chính trị và khoa học công nghệ đã thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sự ra đời, thúc đẩy một số ngành như dầu khí, điện tử... làm thay đổi quy mô tốc độ phát triển của các ngành chế biến, dịch vụ. Nhìn chung, cơ cấu kinh tế Việt Nam sau 10 năm đổi mới đã thu được nhiều thành tựu to lớn và đang chuyển dịch theo chiều hướng tăng đối với nhóm dịch vụ và công nghiệp xây dựng, giảm đối với nhóm ngành nông lâm thủy sản.

**Bảng 1.** Cơ cấu kinh tế Việt Nam theo ngành giai đoạn 2014-2018

Năm	Tỷ trọng GDP các ngành (%)			
	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Nông lâm thủy sản	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
2014	33.22	39.4	17.7	9.68
2015	33.25	39.73	17	10.02
2016	32.72	40.92	16.32	10.04
2017	33.34	41.32	15.34	10
2018	34.28	41.17	14.57	9.98

*Nguồn: Báo cáo điều tra lao động việc làm*

Quyết tâm đưa Việt Nam bắt kịp nền kinh tế thế giới, chính phủ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt thông qua nhiều nghị quyết và chỉ thị như: Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị Trung ương 4 khóa XII; Nghị quyết 38/NQ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới hay mới; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 4 tháng 9 năm 2018 của thủ tướng chính phủ về đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng hiệu quả hơn. Trong chỉ thị cũng chỉ rõ quá trình toàn cầu hóa và những tiến bộ khoa học công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tác động sâu rộng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới và Việt Nam.

Từ số liệu tại bảng cơ cấu kinh tế theo ngành trong 05 năm (từ 2014 – 2018) với đường lối chính sách đúng đắn của Chính phủ và quyết tâm của các ban ngành chúng ta đạt được một số kết quả nhất định. Tỷ trọng ngành Nông lâm thủy sản đã giảm từ 17.7% năm 2014 xuống còn 14,57% năm 2018. Các ngành Công nghiệp xây dựng và Dịch vụ có tỷ lệ tăng qua các năm. Với cơ cấu kinh tế như hiện nay, Việt Nam đang thuộc nền kinh tế công nông nghiệp (tỷ trọng ngành nông nghiệp từ 15-25%, công nghiệp 25-35%, dịch vụ 40-50%) và có xu hướng chuyển sang nền kinh tế công nghiệp phát triển (tỷ trọng ngành nông nghiệp dưới 10%, công nghiệp 35-40%, dịch vụ 50-60%). Không những thế, theo nhận định của các chuyên gia kinh tế trong thời gian tới việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế không chỉ diễn ra giữa các ngành kinh tế mà ngay cả

trong nội bộ từng ngành cũng có sự chuyển dịch theo hướng tích cực và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh hơn. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng nhấn mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các ngành hay trong nhóm ngành muốn khả thi và bền vững thì lực lượng sản xuất phải có năng lực và trình độ phù hợp với sự phát triển kinh tế.

### 1.2. Xu hướng việc làm

Công nghệ tiên tiến làm cho lao động không có chuyên môn kỹ thuật có thể bị mất việc làm, nhất là những người làm trong lĩnh vực dịch vụ cá nhân, môi giới, bán hàng, tư vấn tài chính, vận tải... Bản chất của cách mạng công nghiệp lần thứ tư là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất. Những công việc mang tính chất rập khuôn, lặp lại đơn giản sẽ dần được người máy đảm nhiệm, tính tự động hóa trong các dây chuyền sản xuất được chú trọng và đẩy mạnh hơn trước. Việc giảm số lượng và thay đổi bản chất của một số nghề, làm biến mất một số nghề, đồng thời, tạo ra các nghề mới là hệ quả tất yếu trong kỷ nguyên số mà bất cứ quốc gia nào cũng đang phải đối mặt. Với các cuộc cách mạng công nghiệp trước, chuyển dịch

cơ cấu việc làm đã đáp ứng được yêu cầu của phát triển công nghiệp. Cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư này có thể mang lại sự bất bình đẳng lớn hơn và tạo ra nguy cơ phá vỡ thị trường lao động trước đây như về cơ cấu lao động, cung cầu lao động... cụ thể là thị trường lao động Việt Nam sẽ bị chịu nhiều tác động trực tiếp. Trong 05 năm gần đây, từ số liệu tổng hợp của Báo cáo điều tra Lao động việc làm về cơ cấu lao động có việc làm theo nhóm nghề nghiệp (Bảng 2) có thể nhận thấy nhóm nghề giản đơn đang giảm dần số lao động có việc làm qua các năm. Nghề giản đơn chiếm tỷ lệ 40,1% trong tổng số lao động có việc làm năm 2014 nhưng tới năm 2018 thì tỷ lệ này chỉ còn 36%. Như vậy, số việc làm trong nhóm nghề giản đơn đã giảm mạnh. Theo dự báo thì tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cách mạng công nghiệp lên nghề giản đơn đầu tiên. Nghề nông, lâm, ngư nghiệp cũng là nhóm nghề nằm trong xu thế giảm lao động của thị trường với 12,2% năm 2014 xuống còn 9,7% năm 2018. Nhóm nghề nghiệp chuyên môn kỹ thuật bậc cao có tăng nhưng chưa mạnh để đáp ứng được với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xu hướng việc làm trong kỷ nguyên số.

**Bảng 2.** Cơ cấu lao động có việc làm theo nhóm nghề nghiệp, ĐVT: %

Nhóm nghề nghiệp	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
Nhà lãnh đạo	1,1	1,1	1,0	1,1	1,2
Chuyên môn kỹ thuật bậc cao	7,1	7,4	6,9	6,5	6,1
Chuyên môn kỹ thuật bậc trung	3,4	3,2	3,1	3,2	3,1
Nhân viên	2,0	1,8	1,9	1,8	1,7
Dịch vụ cá nhân, bảo vệ, bán hàng	17,2	16,6	16,6	16,6	16,1
Nghề trong nông, lâm, ngư nghiệp	9,7	9,6	10,3	10,4	12,2
Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan	13,5	13,2	12,8	12,0	12,0
Thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị	9,8	9,8	9,2	8,5	7,4
Nghề giản đơn	36,0	37,0	38,0	39,9	40,1
Không phân loại	0,2	0,3	0,2	0,0	0,1

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo điều tra lao động việc làm

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tác động lên xu hướng việc làm thay đổi thì chất lượng nguồn nhân lực phải phát triển tương xứng để đáp ứng

yêu cầu những ngành nghề mới này. Trong kỷ nguyên công nghệ hiện nay, các doanh nghiệp đặt ra yêu cầu càng cao hơn với các công việc

mang tính sáng tạo và chuyên môn cao phục vụ cho các nhà máy số. Họ cũng cần những lao động có thể thích ứng với công nghệ và phương thức sản xuất mới. Chính những yêu cầu này buộc người lao động phải không ngừng nâng cao trình độ, kỹ năng và chuyên môn bản thân có thể đáp ứng được yêu cầu nhà tuyển dụng hay các cơ hội nghề nghiệp mới trong tương lai.

## 2. THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC

Nhìn vào bảng cơ cấu lao động theo ngành trong các năm gần đây ta thấy lực lượng lao động trong ngành Nông lâm thủy sản năm 2018 chiếm hơn 36% và giảm mạnh so với năm 2014 là 45.25%. Việc biến động cơ cấu lao động trong bảng hoàn toàn phù hợp với chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế nước ta hiện nay. Đồng thời với lực lượng ngành Nông lâm thủy sản giảm thì các ngành Công nghiệp và xây dựng, Dịch vụ đều tăng qua các năm.

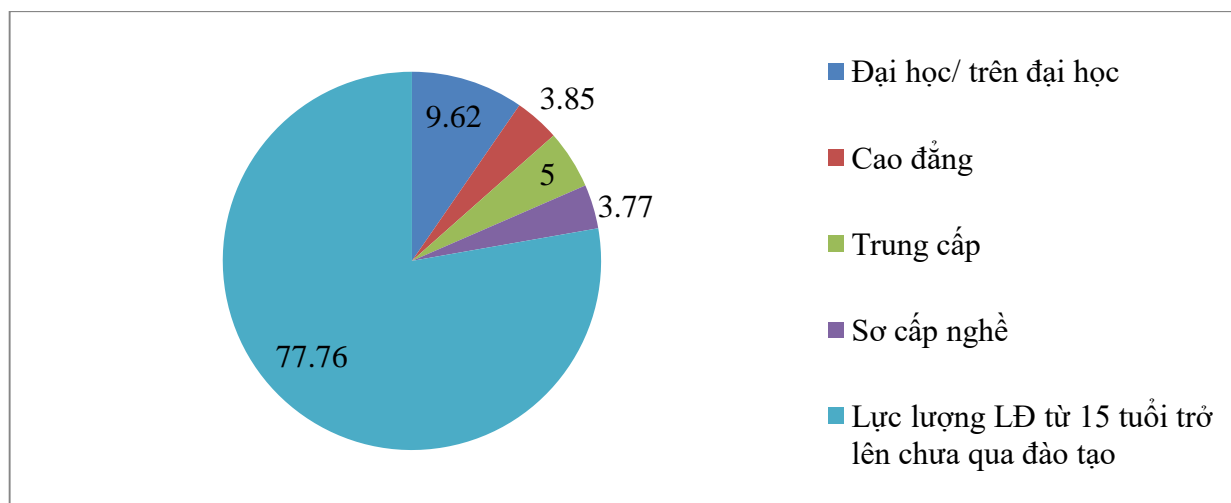
**Bảng 3.** Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế

Năm	Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế (%)		
	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Nông lâm thủy sản
2014	22.35	32.40	45.25
2015	22.13	33.17	44.70
2016	25.05	33.41	41.54
2017	26.12	34.13	39.75
2018	27.76	35.71	36.53

*Nguồn: Tổng hợp từ Bản tin cập nhật thông tin thị trường lao động Việt Nam*

Mặc dù số lượng lao động qua đào tạo có tăng lên nhưng từ số liệu Bản tin cập nhật thông tin thị trường lao động Việt Nam ta thấy lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chưa qua đào tạo là 43,09 triệu người chiếm tỷ lệ quá lớn tới

77,76% tại thời điểm ước tính sơ bộ năm 2018. Hình 1 biểu đồ ta có thể thấy rõ hơn sự chênh lệch về trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động.



**Hình 1.** Biểu đồ thể hiện tỷ lệ lao động theo trình độ chuyên môn kỹ thuật sơ bộ năm 2018

*Nguồn: Bản tin cập nhật thông tin thị trường lao động Việt Nam sơ bộ năm 2018*

Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo trong lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 22,24% tăng so với cuối năm 2017 đến từ nhóm Cao đẳng và

Sơ cấp nghề. Qua các thông tin sơ bộ trên, lực lượng lao động có tăng về số lượng nhưng về chất lượng nguồn lao động chưa có những cải

biển rõ rệt trong cả giai đoạn. Nhà nước đã đặt nhiều mục tiêu và chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông qua các nghị quyết của Chính phủ và các quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Việt Nam nhưng có thể thấy tính hiệu quả chưa cao. Trình độ chuyên môn tay nghề của chúng ta thấp và đa số làm nghề giản đơn nên tuy lực lượng lao động dồi dào nhưng cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đáp ứng xu hướng việc làm trong kỷ nguyên số.

Theo Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (2018) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố có tới hơn 60 % doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khó khăn trong việc tuyển dụng lao động có chuyên môn kỹ thuật cao để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Khả năng cạnh tranh của người lao động Việt Nam thấp do nhiều yếu tố như: tác phong, thể lực và các chỉ số con người (sức bền, dẻo dai) kém khó đáp ứng được cường độ làm việc và yêu cầu môi trường lao động. Người lao động làm việc thiếu sáng tạo, không có kiến thức làm việc nhóm và khả năng tương tác trong xu hướng thị trường lao động mở, điều này cũng gây khó khăn cho người lao động khi phải chuyển đổi môi trường, công việc theo xu hướng hiện nay.

### 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xu hướng việc làm trong kỷ nguyên số là nhiệm vụ trọng tâm không chỉ của ngành giáo dục mà của cả nước và được nhấn mạnh trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII. Trước khó khăn của người lao động, Chính phủ đã có nhiều biện pháp tình thế nhằm hỗ trợ người lao động có nhu cầu hoặc bắt buộc phải chuyển đổi công việc. Các cơ quan chức năng tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người lao động về tác động của cách mạng khoa học công nghệ tới xu hướng việc làm trong tương lai. Nhà nước hỗ trợ

đào tạo và đào tạo lại để người lao động thích nghi chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xu hướng việc làm. Các giải pháp tình thế trên có thể giúp tháo gỡ phần nào khó khăn cho những lao động. Tuy nhiên về lâu dài thì thay đổi chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xu hướng việc làm trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư mới là giải pháp giải quyết vấn đề từ gốc. Để thực hiện tốt nhiệm vụ chiến lược lâu dài này đòi hỏi chúng ta phải có các giải pháp đồng bộ, mang tính khả thi cao.

*Thứ nhất, nâng cao năng lực cạnh tranh cho người lao động.* Cạnh tranh luôn là nhân tố quy định các yêu cầu của thị trường. Trong nền kinh tế mở như hiện nay thì chỉ số chất lượng lao động là thang đánh giá khả năng cạnh tranh của người lao động nó bao gồm thể lực, trí tuệ, nhân cách, tính năng động xã hội của người lao động. Một lao động mang các chỉ số nêu trên sẽ có khả năng thực hiện một dạng công việc nhất định. Khả năng cạnh tranh của họ cũng liên quan chặt chẽ đến trình độ chuyên môn, chất lượng lao động, tính cách cá nhân và một số yếu tố khác như khả năng tiếp thu, tích lũy kiến thức. Một người lao động có chỉ số cạnh tranh cao có thể làm việc tốt, mang lại năng suất lao động cao hơn, sáng tạo hơn. Để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao chỉ số chất lượng lao động chính phủ cần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các trường dạy nghề và đào tạo chuyên nghiệp. Mạng lưới trường đại học cần có quy hoạch rõ ràng đáp ứng cho nhu cầu đào tạo nguồn lao động theo nhu cầu thực tế. Chú trọng vào việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu việc làm trong tương lai.

*Thứ hai, nâng cao trình độ văn hóa, thúc đẩy mạnh cải cách giáo dục.* Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các bậc học. Đào tạo đúng trọng tâm, không đặt nặng vấn đề thành tích và phải ứng dụng công nghệ số trong nghiên cứu và đào tạo. Tạo mối liên hệ giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Nắm bắt kịp thời

nhu cầu của các ngành nghề mới để có kế hoạch đào tạo cho phù hợp, gắn đào tạo nhân lực với việc làm. Coi trọng hướng nghiệp, dạy nghề, tập trung vào mục tiêu nhân lực.

*Thứ ba, đảm bảo tài chính cho phát triển nguồn nhân lực.* Việc phát triển nguồn nhân lực chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước. Để có thể giải quyết các yêu cầu và thách thức về nguồn nhân lực của cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì tài chính cho phát triển nhân lực cần tăng thêm tỷ trọng trong tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội. Có kế hoạch phân bổ rõ ràng theo hướng tập trung thực hiện các chương trình dự án đào tạo theo mục tiêu ưu tiên như tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho ngành kinh tế mũi nhọn. Xã hội hóa nguồn đầu tư, có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trong đào tạo lực lượng lao động theo đặt hàng với các cơ sở giáo dục. Cần quy định trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi và có cơ chế, chính sách mạnh để

doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tăng đầu tư phát triển nhân lực nói chung và đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề nói riêng.

#### 4. KẾT LUẬN

Lao động của Việt Nam hiện nay còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập như trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp, năng lực cạnh tranh còn yếu hay các vấn đề về tác phong và kỷ luật lao động. Nhận định được tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xu hướng việc làm trong kỷ nguyên số đến sự thay đổi bản chất một số việc làm, cơ cấu lao động, chất lượng lao động và gia tăng vấn đề thất nghiệp trong thị trường lao động, Chính phủ đã có nhiều biện pháp hỗ trợ người lao động trong ngắn hạn. Ngoài ra, chúng ta cần thực hiện các giải pháp đồng bộ lâu dài như định hướng quy hoạch, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tương lai giúp lực lượng lao động tự nâng cao năng lực chuyên môn kỹ thuật bản thân, thay đổi tư duy đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2017), *Tài liệu nghiên cứu các Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2017), *Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam*, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hà Nội.
3. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2018), *Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam*, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hà Nội.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014, 2015, 2016, 2017, 2018), *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2014*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội.
5. Chính phủ (2011), *Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội.
6. Chính phủ (2011), *Phê duyệt chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020*, Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội.
7. Chính phủ (2018), *Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng hiệu lực và hiệu quả hơn*, Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội.
8. Chính phủ (2017), *Chương trình hành động về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội.